

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường trung học cơ sở (THCS) thị trấn Quảng Hà

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Phố Lý Thường Kiệt, thị trấn Quảng Hà, Hải Hà, Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.3879427

Website: <http://thcsthitrانquangha.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban Nhân dân huyện Hải Hà

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục Tầm nhìn

Đến năm 2026 Trường THCS thị trấn Quảng Hà sẽ trở thành một trường chất lượng cao của huyện Hải Hà, mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện tư duy độc lập, giải quyết vấn đề, hướng tới năng lực sử dụng công nghệ, nơi sản sinh những người thành đạt có cội nguồn truyền thống, có khát vọng vươn tới và tầm nhìn xa.

Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập về nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có tính trung thực và ý thức truyền thống, có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy.

Hệ thống giá trị cơ bản

- Tinh thần trách nhiệm

- Lòng nhân ái

- Sự hợp tác

- Tính năng động, sáng tạo

- Tính kiên trì
- Tính trung thực

- Khát vọng vươn lên
- Hòa nhập

Mục tiêu chung

Xây dựng một môi trường dạy và học thân thiện, nền nếp, tích cực nhằm phát huy mọi tiềm năng và năng lực sáng tạo ở mỗi giáo viên, mỗi học sinh, hình thành mô hình giáo dục hiện đại, chất lượng, uy tín đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập của đất nước.

Giáo dục học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học theo chương trình GDPT. Từ đó học sinh biết cách tự suy luận, tìm tòi, phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; giáo dục những thể hệ học sinh có những phẩm chất tốt đẹp, có ý thức tự giác, có tinh thần trách nhiệm, thật thà, trung thực, thân thiện, biết hoà nhập và làm chủ được bản thân, có tinh thần tương trợ giúp đỡ bạn bè, có phong cách và lối sống đẹp, phù hợp với truyền thống và nét đẹp văn hóa Việt trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

- Mục tiêu ngắn hạn: Duy trì và nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia, khẳng định thương hiệu nhà trường trên địa bàn của huyện Hải Hà.

- Mục tiêu trung hạn: Duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn; đến năm 2025 tiếp tục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; cải tiến và duy trì chất lượng trường đạt cấp độ 3 về kiểm định chất lượng giáo dục; nâng cao và ổn định về chất lượng giáo dục toàn diện.

- Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2030, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- + Chất lượng giáo dục được khẳng định trong top đầu những trường THCS có chất lượng cao của huyện Hải Hà;

- + Duy trì đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2025 – 2030;

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Nhà trường được tái thành lập theo Quyết định số 172/KHTV ngày 09 tháng 7 năm 1996 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh với tên gọi là Trường trung học cơ sở thị trấn Quảng Hà, tách ra từ trường phổ thông trung học Quảng Hà. Trường ở trung tâm thị trấn Quảng Hà, về phía Đông Nam huyện Hải Hà.

Từ ngày thành lập đến nay, trường luôn được công nhận là tập thể lao động tiên tiến, từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2022-2023 liên tục được công nhận là tập thể lao động Xuất sắc, nhiều lần được tặng giấy khen của Sở GD&ĐT và bằng khen của UBND tỉnh. Tháng 8 năm 2009 được công nhận là trường THCS đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục được công nhận duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia vào

tháng 5 năm 2015. Năm học 2014-2015, năm học 2022-2023 được UBND tỉnh Quảng Ninh tặng cờ dẫn đầu phong trào thi đua cấp THCS. Tháng 10 năm 2018, trường vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Tháng 12/2023, trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Những đặc điểm chính của nhà trường: Từ ngày thành lập đến nay, trường luôn được công nhận là tập thể lao động tiên tiến, từ năm học 2011 - 2012 đến năm học 2022-2023 liên tục được công nhận là tập thể lao động Xuất sắc, nhiều lần được tặng giấy khen của Sở Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 8 năm 2009 được công nhận là trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục được công nhận duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia vào tháng 5 năm 2015. Năm học 2014-2015, 2021-2022 được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tặng cờ dẫn đầu phong trào thi đua cấp trung học cơ sở. Các năm học 2015-2016, 2019-2020 trường tiếp tục được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Tháng 10/2018 được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen. Tháng 5/2020, được Bộ GD&ĐT tặng bằng khen vì có thành tích tiêu biểu trong trào thi đua giai đoạn 2015-2020. Tháng 12/2023, trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Từ khi thành lập trường được sự quan tâm của Đảng ủy thị trấn Quảng Hà đã thành lập Chi bộ trường THCS thị trấn Quảng Hà. Ban đầu Chi bộ có 08 đồng chí. Đến nay sau 28 năm Chi bộ đã có 49 đảng viên. Chi bộ tham gia tích cực các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, tuyên truyền và chỉ đạo các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của mình. Năm 2023 Chi bộ trường THCS thị trấn Quảng Hà là Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công đoàn nhà trường phát huy được vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công đoàn là nơi gửi gắm tâm tư, nguyện vọng của anh chị em, đồng thời tổ chức cho cán bộ, giáo viên hưởng ứng các cuộc thi đua, các cuộc vận động của ngành. Tuy không thường xuyên nhưng công đoàn nhà trường đã tổ chức các phong trào nhằm tạo sân chơi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong những dịp thích hợp.

Quá trình hình thành và phát triển của trường THCS thị trấn Quảng Hà luôn được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hà. Lãnh đạo Phòng luôn động viên, chỉ đạo Ban giám hiệu nhà trường trong những lúc khó khăn. Đảng ủy thị trấn Quảng Hà luôn quan tâm chỉ đạo Chi bộ nhà trường trong công tác Đảng, chỉ đạo các tổ chức chính trị-xã hội trong địa phương phối hợp với nhà trường trong các hoạt động trên địa bàn thành phố. Về mặt an ninh-trật tự trường thuộc địa bàn đảm bảo của công an thị trấn Quảng Hà, nên trong suốt quá trình

phát triển của mình Công an thị trấn đã cùng với trường phối hợp rất tốt trong việc đảm bảo môi trường an ninh-trật tự.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn: Bà Hà Hoàng Giang

Chức vụ - Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0987211746

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Lý Thường Kiệt, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ thư điện tử: hahoanggiang.c2quangha@pgdhaiha.edu.vn.

7. Tổ chức bộ máy

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: Trường THCS thị trấn Quảng Hà được tái thành lập theo Quyết định số 172/KHTV ngày 09 tháng 7 năm 1996 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Trường THCS thị trấn Quảng Hà có Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021, được kiện toàn theo quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 và quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà. Hội đồng trường gồm 11 thành viên:

1. Bà Hà Hoàng Giang, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng;
2. Bà Trịnh Thị Hồng Nhung, Phó hiệu trưởng, CT Công đoàn trường;
3. Bà Tạ Thị Bích Ngọc, Bí thư Chi Đoàn, Tổng phụ trách Đội;
4. Ông Nguyễn Quốc Lam, Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ- Nghệ thuật;
5. Bà Ngô Thị Kim Oanh, Tổ trưởng tổ KHTN;
6. Bà Lê Thị Giang, Tổ trưởng tổ Ngữ văn- KHXH;
7. Bà Nguyễn Thị Thắm, Tổ trưởng tổ Toán- tin- công nghệ;
8. Bà Trần Thị Thu Hiền, Tổ trưởng tổ Văn phòng;
9. Ông Nguyễn Văn Hoàng, Công chức văn hóa- xã hội UBND thị trấn Quảng Hà;

10. Bà Nguyễn Thanh Hảo, Phó Trưởng ban đại diện CMHS;

11. Em Hà Quốc Khánh, Học sinh lớp 9A1 trường THCS thị trấn Quảng Hà.

Chủ tịch Hội đồng trường là bà Hà Hoàng Giang, Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường theo Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND huyện Hải Hà về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường THCS thị trấn Quảng Hà nhiệm kỳ 2021 – 2026.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Trường THCS thị trấn Quảng Hà có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND huyện Hải Hà về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS thị trấn Quảng Hà.

Phó Hiệu trưởng bà Trịnh Thị Hồng Nhung được bổ nhiệm theo Quyết định số 3686/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hà về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS thị trấn Quảng Hà.

Phó Hiệu trưởng ông Cao Xuân Hà được điều động và bổ nhiệm theo Quyết định số 2204/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện Hải Hà về việc điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS thị trấn Quảng Hà.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

Trường tổ chức và hoạt động theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 49 đảng viên. Tổ chức Công đoàn có 53 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 12 đoàn viên giáo viên

+ Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong HCM gồm 25 chi đội

- + Ban đại diện CMHS gồm 25 thành viên
- + Các tổ chuyên môn: 4 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

đ) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Hà Hoàng Giang	Hiệu trưởng	0987211746	hahoanggiang.c2quangha@pgdhaiha.edu.vn
2	Trịnh Thị Hồng Nhung	Phó Hiệu trưởng	0967000868	trinhthihongnhung.c2quangha@pgdhaiha.edu.vn
3	Cao Xuân Hà	Phó Hiệu trưởng	0978437096	caouanha.c2quangminh@pgdhaiha.edu.vn

Phân công trách nhiệm:

*** Hà Hoàng Giang, Hiệu trưởng**

- Nhiệm vụ chung.

+ Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường;

+ Thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường được quy định tại khoản 3 Điều 20 được ban hành tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT;

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

+ Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân

viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- + Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- + Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường;

- + Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường;

- + Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường;

- + Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

- + Trực tiếp giảng dạy 2 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT; Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT.

- Nhiệm vụ phụ trách trực tiếp.

- + Công tác tổ chức, tư tưởng chính trị;

- + Quản lý và điều hành mọi hoạt động của nhà trường; triệu tập và chủ tọa các phiên họp của nhà trường; tổ chức chỉ đạo triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp tới CBQL, GV, NV, học sinh toàn trường;

- + Phụ trách công tác Tổ chức, Tài chính, Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật;

- + Xây dựng các quy chế, quy định của nhà trường;

- + Xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch năm, tháng, tuần của nhà trường, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học;

- + Thực hiện công tác thanh, kiểm tra nội bộ của đơn vị, CSVC;

- + Phụ trách công tác công khai, xã hội hóa;

- + Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ;

- + Quản lý hồ sơ CBQL, GV, NV;

- + Phụ trách công tác trường chuẩn quốc gia;

- + Phụ trách công tác kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Trực tiếp ký duyệt kế hoạch của các tổ chức đoàn thể, kế hoạch chuyên môn của nhà trường; các văn bản gửi các cấp, các ngành và các văn bản khác liên quan đến hoạt động nhà trường.

+ Chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Phòng GD&ĐT Hải Hà về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

*** Phó Hiệu trưởng**

- Nhiệm vụ chung.

+ Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công;

+ Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao;

+ Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền;

+ Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

+ Trực tiếp giảng dạy 4 tiết/tuần, tổ chức việc thực hiện chế độ làm việc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện chế độ làm việc theo được quy định tại Thông tư 28/2009/TT-BGD&ĐT; Thông tư 15/2017/TT-BGD&ĐT.

- Nhiệm vụ cụ thể:

Phó Hiệu trưởng: Cao Xuân Hà

Tham mưu với Hiệu trưởng và trực tiếp chỉ đạo các công việc cụ thể sau:

+ Xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác chuyên môn

+ Phối hợp trong phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV;

+ Xếp thời khóa biểu;

+ Quản lý, kiểm tra hoạt động chuyên môn của các tổ Toán-Tin-Công nghệ;

+ Công tác ôn tập, hỗ trợ học sinh yếu, kém, kiểm tra lại;

+ Công tác hội giảng;

+ Công tác khảo thí (Thi, kiểm tra...);

+ Công tác học sinh giỏi (ra đề, duyệt đề, tổ chức coi, chấm thi, hồ sơ...);

+ Công tác thống kê, báo cáo;

+ Công tác kiểm định chất lượng giáo dục;

- + Kiểm tra, phê duyệt Sổ ghi đầu bài các lớp;
- + Chịu trách nhiệm và hoàn thiện hồ sơ xét tốt nghiệp của học sinh;
- + Quản lý, tổ chức các hoạt động NGLL, trải nghiệm, ngoại khóa;
- + Quản lý các hoạt động chuyên môn, dạy học tự chọn;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể.

Phó Hiệu trưởng: Trịnh Thị Hồng Nhung

Tham mưu với Hiệu trưởng và trực tiếp chỉ đạo các công việc cụ thể sau:

- + Phối hợp với PHT 1 xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác chuyên môn;
- + Phối hợp trong phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV;
- + Quản lý, kiểm tra hoạt động chuyên môn của tổ Ngữ văn- KHXH, Tiếng Ngoại ngữ- Nghệ thuật;
- + Công tác nghiên cứu khoa học, viết và áp dụng sáng kiến kinh nghiệm;
- + Phụ trách phần mềm Kiểm định chất lượng giáo dục;
- + Phụ trách công tác Cơ sở vật chất toàn trường và công tác tổ chức các hoạt động giáo dục
- + Công tác thiết bị, thí nghiệm;
- + Chỉ đạo công tác làm và sử dụng đồ dùng dạy học;
- + Công tác Thư viện;
- + Công tác y tế học đường;
- + Công tác an ninh trật tự nhà trường;
- + Công tác ôn tập, hỗ trợ học sinh yếu, kém, thi lại;
- + Công tác khảo thí (Thi, kiểm tra...);
- + Công tác thống kê, báo cáo;
- + Hoạt động VH-VN, TDTT, các cuộc thi ngoài chuyên môn;
- + Công tác GD hướng nghiệp, công tác Y tế học đường và các tổ chức đoàn thể (Đoàn, Đội, Chữ thập đỏ, Khuyến học...).
- + Phụ trách website, Fanpage nhà trường;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 234/KH-THCSTT ngày 12/12/2021 kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2026 và tầm nhìn đến năm 2030

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 234/QĐ-THCSTT ngày 04/10/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyet		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn, nghị ệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I.	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng	1		1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		2	2			
II.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành							
1	Giáo viên THCS hạng I	1		1				
2	Giáo viên THCS hạng II	22		22	22			

3	Giáo viên THCS hạng III	22		21	21		01	
4	Thiết bị, thí nghiệm	1		1	1			
5	Giáo vụ	0		0				
6	Tư vấn học sinh	0		0				
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		0				
III.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung							
1	Thư viện viên hạng IV	1		1	1			
2	Kế toán	1		1	1			
3	Văn thư viên trung cấp	1		1	1			
4	Cán sự thủ quỹ	0		0	0			
5	Y tế học đường	0		0	0			
IV.	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ							
1	Nhân viên Bảo vệ	2		2				2
2	Nhân viên Phục vụ	0		0				0

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn. Trong đó, 01 CBQL, 02 giáo viên có trình độ trên chuẩn. Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trường có diện tích khuôn viên $8511,8\text{m}^2$, với diện tích bình quân đạt gần $7.7\text{m}^2/\text{HS}$ (tính theo số HS ở thời điểm tháng 09/2024).

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Khối phòng hành chính quản trị:

+ Phòng hiệu trưởng: 01 phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

+ Phòng phó hiệu trưởng: 01 phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

+ Văn phòng: 01 phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

+ Phòng bảo vệ: 01 đặt ở gần lối ra vào trường, có vị trí quan sát thuận lợi.

+ Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên: Khu nam, nữ riêng biệt.

+ Khu để xe cán bộ giáo viên, nhân viên: có mái che, đủ chỗ đậu.

- Khối phòng học tập:

+ Phòng học: 20 phòng cố định, đủ bàn ghế học sinh, giáo viên, bảng lớp, đèn, quạt, bảng tương tác thông minh.

+ Phòng học bộ môn Âm nhạc: 01.

+ Phòng học bộ môn Mỹ thuật: 0.

+ Phòng học bộ môn Công nghệ: 01.

+ Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên: 01.

+ Phòng học bộ môn Khoa học xã hội: 0.

+ Phòng học bộ môn Tin học: 01

+ Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: 01

+ Phòng đa chức năng: 0

- Khối phòng hỗ trợ học tập:

+ Thư viện: 01 (tủ sách dùng chung; kho sách, khu quản lí, khu đọc sách cho giáo viên và học sinh).

+ Phòng thiết bị giáo dục: 01.

+ Phòng tư vấn: 0.

+ Phòng truyền thống: 01.

+ Phòng Đoàn, Đội: 01.

- Khối phụ trợ:

+ Phòng họp: 01.

+ Phòng các tổ chuyên môn: 0.

+ Phòng y tế: 01.

+ Nhà kho: 01.

+ Khu để xe học sinh: 01.

+ Khu vệ sinh học sinh: 02 (nam, nữ riêng biệt).

+ Cổng, hàng rào kiên cố.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Trường có sân chung để tổ chức các hoạt động toàn trường. Diện tích sân chơi $2325m^2$. Sân tập thể dục với diện tích khoảng $1200m^2$.

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Hệ thống cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng.

+ Hệ thống cấp điện đảm bảo đủ công suất.

+ Hệ thống PCCC: Nhà trường mới có hệ thống báo cháy tại khu phòng học bộ môn, thư viện; các khu vực khác được bố trí bình chữa cháy.

+ Hạ tầng thông tin liên lạc: có điện thoại cố định; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường.

- Khu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

Đảm bảo đủ điều kiện học tập; đủ theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong nhà trường theo Thông báo số 125/TB-THCSTT ngày 13 tháng 5 năm 2024; được đăng tải trên trang thông tin điện tử nhà trường Website: <http://pgdhaiha.edu.vn/c2thitranganquangha/default.aspx>

IV. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 01/KH-HĐTĐG ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc triển khai công tác Tự đánh giá năm học 2023-2024. Trường THCS thị trấn Quảng Hà tổ chức thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

của mình theo hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở đánh giá hiện trạng của trường năm học 2023-2024. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Mức 1: Đạt 28 tiêu chí chiếm 100%;

+ Mức 2: Đạt 28 tiêu chí chiếm 100%;

+ Mức 3: Đạt 21 tiêu chí chiếm 100%;

+ Không đạt 0 chiếm 0%;

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

+ Đạt: 03 tiêu chí chiếm 50%;

+ Không đạt: 03 tiêu chí chiếm 50%;

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 3;

- Theo quy định về việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, với kết quả tự đánh giá 31/34 tiêu chí đạt 91 %, trường trường THCS thị trấn Quảng Hà đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Căn cứ tình hình cụ thể của đơn vị, đặc biệt là những điểm yếu, trong năm học 2024- 2025, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch tự đánh giá và cải tiến chất lượng ở các tiêu chuẩn từ 1 đến 5 ở tất cả 28 tiêu chí; đặc biệt cải tiến chất lượng của các tiêu chí 4 của Điều 22 Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 và công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài: Nhà trường đề nghị đánh giá ngoài vào tháng 11/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả giáo dục năm học 2023-2024

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; Số lượng học sinh 02 buổi/ngày; số lượng học sinh năm/học sinh nữ, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường.

- Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025: $308/308 = 100\%$.

- Tổng số học sinh theo từng khối, số lượng học sinh năm/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh				
	Số lớp	Số học sinh			
		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Nữ dân tộc thiểu số
6	7	314	138	18	7
7	7	307	150	10	7
8	6	255	131	12	10
9	5	228	117	14	7
Tổng	25	1104	536	54	31

- Số lượng học sinh 02 buổi/ngày: Không

- Học sinh khuyết tật: 05.

- Số học sinh chuyển đi: 01.

- Số học sinh chuyển đến: 0.

b) Thống kê kết quả đánh giá kết quả học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

* Chất lượng giáo dục học sinh:

- Chất lượng các mặt giáo dục

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2006

Về Hạnh kiểm

TS HS	Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Miễn đánh giá	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
229	139	60,7	81	35,4	8	3,49	1	0,44	228	99,6	0	0

Về học tập (học lực)

TS HS	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Miễn đánh giá	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
229	50	21,8	95	41,5	83	36,2	1	0,44	0	0	228	99,6	0	0

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Khối 6, 7, 8 đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT. Tổng số học sinh đánh giá: 783/786 HS (miễn đánh giá 03 HS)

Tổng số HS	Rèn luyện							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
783	500	63,9	213	27.1	62	7.89	5	0,64

- Về học tập:

STT	Lớp	TS HS	Học tập							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng		783	210	26,8	287	36,7	252	32.06	36	4.58

- Kết quả giáo dục mũi nhọn (Kết quả một số cuộc thi, hội thi, giao lưu):

Cấp dự thi	Đạt giải				
	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK
1. HSG cấp trường (HSG lớp 9)	68	5	21	14	19
Học sinh giỏi lớp 6, 7, 8	213	26	56	53	78
Học sinh giỏi TDTT	60	20	20	20	
2. Cấp huyện	97	23	33	19	22
- Văn hoá lớp 9	55	5	17	11	21
- TDTT	42	18	16	8	
Khoa học kỹ thuật					1
3. Cấp tỉnh (Thể dục thể thao)	61	4	10	20	17
Văn hóa lớp 9	39	2	6	14	17
TDTT	12	2	4	6	
4. Cấp Quốc gia	4	2	1	1	
TDTT	4	2	1	1	

* Số lượng học sinh được lên lớp: 780/786 học sinh = 99,2%.

* Số lượng học sinh ở lại: 06 /786 = 0.8 % học sinh.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp THCS; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp THPT.

- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 228/229 học sinh = 99.6%.

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp 228/228=100% (Trong đó số trúng tuyển vào các trường THPT: 192/228=84%; Số học sinh tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là: 36/228=16%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật

1.1. Các khoản thu, phân theo:

- Nguồn kinh phí tự chủ ngân sách nhà nước năm 2023: 6.607.762.200 đ

+ Dự toán năm trước chuyển sang: 0 đồng.

+ Dự toán giao đầu năm 2023: 7.095.438.000 đồng.

+ Dự toán cấp bổ sung năm 2023: 357.845.000 đồng.

+ Dự toán giảm trong năm 2023: 845.520.800 đồng.

+ Dự toán được sử dụng trong năm 2023: 6.607.762.000 đồng.

- Nguồn kinh phí không tự chủ ngân sách nhà nước năm 2023: 1.099.261.000 đ

+ Dự toán năm trước chuyển sang: 0 đồng.

+ Dự toán giao đầu năm 2023: 223.100.000 đồng.

+ Dự toán cấp bổ sung năm 2023: 876.161.000 đồng.

+ Dự toán được sử dụng trong năm 2023: 1.099.261.000 đ

+ Dự toán đã sử dụng trong năm 2023: 1.038.333.739 đồng

+ Dự toán hủy trong năm 2023: 60.927.261 \ đồng.

- Học phí công lập năm 2023: 866.600.000 đồng.

1.2. Các khoản chi, phân theo:

a. Ngân sách khoán chi thực hiện tự chủ năm 2023:

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Lương theo ngạch, bậc	6001	2.978.309.304	
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	7.280.000	

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
3	Phụ cấp chức vụ	6101	38.894.253	
4	Phụ cấp khu vực	6102	155.126.000	
5	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	6105	63.496.741	
6	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6107		
7	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112	855.736.615	855.736.615
8	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6113	5.103.000	5.103.000
9	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	6115	418.008.609	418.008.609
10	Chi khác	6299	121.955.000	121.955.000
11	Bảo hiểm xã hội	6301	621.385.809	621.385.809
12	Bảo hiểm y tế	6302	100.035.267	100.035.267
13	Kinh phí công đoàn	6303	68.705.569	68.705.569
14	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	34.345.074	34.345.074
15	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	6404	266.083.076	266.083.076
16	Tiền điện	6501	81.051.722	81.051.722
17	Tiền vệ sinh, môi trường	6504	1.800.000	1.800.000
18	Văn phòng phẩm	6551	35.250.000	35.250.000
19	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	6552	8.060.000	8.060.000
20	Khoán VPP	6553	14.360.000	14.360.000
21	Vật tư văn phòng khác	6599	148.367.961	148.367.961
22	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	6601	286.000	286.000
23	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	6605	8.568.000	8.568.000
24	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	6608	4.278.700	4.278.700
25	Các khoản thuê mướn khác	6657	27.500.000	27.500.000
26	Chi phí khác	6699	4.010.000	4.010.000

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
27	Tiền vé máy bay, tàu, xe	6701	9.760.000	9.760.000
28	Phụ cấp công tác phí	6702	22.800.000	22.800.000
29	Tiền thuê phòng ngủ	6703	23.850.000	23.850.000
30	Khoản công tác phí	6704	12.000.000	12.000.000
31	Chi phí thuê mướn khác	6799	83.450.000	83.450.000
32	Nhà cửa	6907	31.011.000	31.011.000
33	Các thiết bị công nghệ thông tin	6912	24.235.000	24.235.000
34	Tài sản và thiết bị văn phòng	6913	31.350.000	31.350.000
35	Đường điện, cấp thoát nước	6921	28.020.000	28.020.000
36	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	6949		
37	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	6954		
38	Chi mua hàng hóa, vật tư	7001	181.613.500	181.613.500
39	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	7004		
40	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	7012	10.265.000	10.265.000
41	Chi khác	7049	6.600.000	6.600.000
42	Mua, bảo trì phần mềm CNTT	7053	5.950.000	5.950.000
43	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	7757		
44	Chi tiếp khách	7761		
45	Chi các khoản khác	7799	68.861.000	68.861.000

b. Ngân sách khoán chi thực hiện không tự chủ năm 2023:

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	14.560.000	14.560.000
	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	6156	7.600.000	7.600.000
2	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	6157	10.200.000	10.200.000
3	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112	47.587.139	47.587.139

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Bảo hiểm y tế	6302		
6	Kinh phí công đoàn	6303		
7	Bảo hiểm thất nghiệp	6304		
8	Chi khác	6449	31.620.600	31.620.600
9	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet...	6605	71.500.000	71.500.000
10	Thuê lao động trong nước	6757	25.160.000	25.160.000
11	Chi phí thuê mướn khác	6799		
12	Các thiết bị CNTT	6912	29.850.000	29.850.000
13	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	6949		
14	Chi mua hàng hóa, vật tư	7001	253.071.000	253.071.000
15	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	7004	8.100.000	8.100.000
16	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	7012	24.211.000	24.211.000
17	Chi khác	7049		
18	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	7053	32.000.000	32.000.000
19	Chi khác	7499		
20	Chi bảo hiểm ts và phương tiện	7757	5.194.000	5.194.000
21	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	7766	457.800.000	457.800.000
22	Chi khác	7049	19.880.000	19.880.000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo): Không

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

3.1. Mức miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tháng 9-12/2023 (năm học 2023-2024), nhà trường thực hiện như sau:

- Miễn, giảm học phí: 7.600.000 đồng
- + Miễn 100%: 9 học sinh.
- + Giảm 50%: 0 học sinh.

- Hỗ trợ chi phí học tập: 10.200.000 đồng.

3.2. Mức miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tháng 01-5/2024 (năm học 2023-2024), nhà trường thực hiện như sau:

- Miễn, giảm học phí:
- + Miễn 100%: 9 học sinh..
- + Giảm 50%: 0 học sinh.
- Hỗ trợ chi phí học tập: Không.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- TTCM, đoàn thể;;
- Website trường;
- Văn phòng và sảnh lớn của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Hoàng Giang